

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **108/2024/DS-ST**

Ngày: 12-9-2024

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế
quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Em**

Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**
Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn B**, sinh năm 1939; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Minh Lệ T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số B, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Ông **Ngô Quang P**, sinh năm 1964; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số E, khu phố K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1966; Trú tại: Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1965; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà **Trần Ngô Ngọc T1**, sinh năm 2004; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số E, khu phố K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Ngô Văn B và bà Võ Thị L là vợ chồng, sống chung với nhau từ khoảng năm 1960. Tài sản chung của hai vợ chồng là phần đất thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.841,4m² và thửa số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 10.292,1m². Cả hai phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và do bà Võ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017, bà Võ Thị L chết, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị L bao gồm ông Ngô Văn B và hai người con là bà Ngô Thị H và ông Ngô Quang P. Phần đất thửa 73, tờ bản đồ 15 do ông Ngô Quang P quản lý sử dụng. Phần đất thửa số 81, tờ bản đồ số 15 do ông Ngô Văn B đang quản lý sử dụng, trên đất có 01 căn nhà hiện ông B và con là bà Ngô Thị H cùng sinh sống.

Trước đây, ông B có yêu cầu chia tài sản chung nhưng nay ông B tự nguyện rút lại yêu cầu này, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.617,9m² (ký hiệu 73-4) và thửa số 81, tờ bản đồ số 15 (ký hiệu 81-1; 81-2; 81-3; 81-4; 81-5; 81-6; 81-7) tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Cụ thể: Ông Ngô Văn B yêu cầu được nhận chung với bà Ngô Thị H thửa số 81, tờ bản đồ số 15 cùng với căn nhà và các công trình khác trên đất; đối với phần đất diện tích 6.617,9 m² thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 15 giao cho ông Ngô Quang P. Cây trồng trên đất thì không có tranh chấp, không có yêu cầu, ai nhận đất ở đâu thì hưởng cây trồng trên đó.

Đối với các kết quả đo đạc, định giá của Hội đồng định giá huyện C thì ông B đồng ý và không có ý kiến gì. Ông Ngô Văn B xác định vị trí ranh và diện tích đất theo sự chỉ ranh của ông B trong ngày đo đạc, việc lệch ranh và chênh lệch diện tích đất ông B không có ý kiến yêu cầu gì. Về chi phí tố tụng thì ông B tự nguyện chịu.

Theo đơn yêu cầu, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc của hai thửa đất số 73 và 81, tờ bản đồ số 15 là của Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Võ Thị L (mất năm 2017) và ông Ngô Văn B là vợ chồng, có 02 người con là ông Ngô Quang P và bà Ngô Thị H. Khi còn sống, bà Võ Thị L có di ngôn về việc chia cho bà Ngô Thị H phần diện tích khoảng 8.000m², chia cho ông Ngô Quang P diện tích 7.000m²; ngoài ra ông Ngô Văn B cũng có Giấy xác nhận tặng cho QSD đất của ông B về việc đồng ý cho ông Ngô Quang P diện tích 8.000m². Do đó, ông P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của ông P theo đơn yêu cầu ngày 23/4/2024; công nhận di ngôn của bà L1 và Giấy xác nhận tặng cho QSD đất của ông B, cụ thể phần ông P được nhận là 8.000m² tại phần ông P đang quản lý là thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.617,9m²

và cắt thêm một phần ở thửa 81, tờ bản đồ số 15 để đủ diện tích là 8.000m²; phần căn nhà và phần mộ để làm đất hương quả, diện tích đất cụ thể thì hiện không xác định được chính xác. Đối với di ngôn của bà L thì chỉ nói miệng, không có làm thành văn bản. Ông P không có ý kiến và không yêu cầu gì nữa đối với các tờ giấy cho đất của bà L. Cây trồng trên đất thì không có tranh chấp, không có yêu cầu, ai nhận đất ở đâu thì hưởng cây trồng trên đó. Đối với các kết quả đo đạc, định giá của Hội đồng định giá huyện C thì ông P không có ý kiến gì.

Theo bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc của hai thửa đất số 73 và 81, tờ bản đồ số 15 là của Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Võ Thị Thị L (mất năm 2017) và ông Ngô Văn B là vợ chồng, có 02 người con là ông Ngô Quang P và bà Ngô Thị H. Đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B. Cụ thể: Giao cho ông Ngô Quang P nhận phần đất diện tích 6.617,9 m² thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 15. Ông Ngô Văn B và bà sẽ nhận chung thửa số 81, tờ bản đồ số 15, cùng với căn nhà và các công trình khác trên đất. Tuy nhiên, do bà không làm đơn yêu cầu độc lập nên đối với phần đất bà được nhận chung với ông B thì bà đồng ý giao cho ông B nhận và quản lý cho bà H, giữa bà và ông B sẽ tự thỏa thuận để chia sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Cây trồng trên đất thì không có tranh chấp, không có yêu cầu, ai nhận đất ở đâu thì hưởng cây trồng trên đó. Đối với các kết quả đo đạc, định giá của Hội đồng định giá huyện C thì bà H không có ý kiến gì. Bà Ngô Thị H xác định vị trí ranh và diện tích đất theo sự chỉ ranh của ông B trong ngày đo đạc, việc lệch ranh và chênh lệch diện tích đất bà H không có ý kiến yêu cầu gì.

Theo tờ trình, đơn yêu cầu độc lập, bà Trần Thị M, đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày:

Ngày 15/7/2017, bà Võ Thị L (đã chết) có kêu con, cháu về nhà bà để phân chia tài sản do bà đứng tên theo hình thức di ngôn. Nội dung phân chia: Cho bà Ngô Thị H canh tác diện tích 6.000m², chia cho vợ chồng bà Trần Thị M và ông Ngô Quang P canh tác diện tích 8.000m², chia cho cháu Ngô Phúc Phương A diện tích 500m², chia cho cháu Ngô Phúc Phương T2 diện tích 500m², chia cho cháu Ngô Phúc Phương Q diện tích 500m². Ngày 29/12/2020, ông Ngô Văn B làm giấy xác nhận tặng cho quyền sử dụng đất, xác nhận ông B tặng cho bà Trần Thị M phần đất diện tích 8.000m², thuộc thửa 903, tờ bản đồ số 3. Bà Trần Thị M yêu cầu nhận phần đất diện tích 8.000m², thuộc thửa 903, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày: bà M không có ý kiến yêu cầu gì, bà M thống nhất theo yêu cầu của ông Ngô Quang P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn

của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên Tòa sơ thẩm: thủ tục bắt đầu phiên Tòa, tranh tụng... Thư ký phiên Tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS. Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Điều 623, 649, 650, 651 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 188 Luật đất đai; Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Nghị quyết 326/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B. Chia di sản thừa kế của bà Võ Thị L để lại. Ghi nhận ông B đồng ý nhận thừa 81, tờ 15; giao cho ông P bà M thừa 73, tờ 15. Cây trồng trên đất không có yêu cầu gì. Các đương sự tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất để lại di sản thừa kế của bà Võ Thị Lê . Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.841,4m² và thửa số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 10.292,1m². Cả hai phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: ông B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 73, tờ bản đồ 15 và thửa số 81, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Ngô Văn B yêu cầu được nhận chung với bà Ngô Thị H thửa số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 10.153,5m² cùng với căn nhà và các công trình khác trên đất; đối với phần đất thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 15, diện tích 6.617,9m² giao cho ông Ngô Quang P. Ông Ngô Quang P, bà Trần Thị M không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu được nhận phần đất diện tích 8.000m² bao gồm thửa 73 tờ bản đồ số 15, diện tích 6.617,9m² và một phần thửa số 81, tờ bản đồ số 15.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Các bên thống nhất về nguồn gốc của hai thửa đất thửa 73, tờ bản đồ 15 và thửa số 81, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Võ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp năm 1995 (thửa cũ số 902, 903, tờ bản đồ 3). Ông Ngô Văn B thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với hai thửa đất nêu trên nên ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định di sản thừa kế của bà Võ Thị L để lại là phần đất thuộc thửa 73, tờ bản đồ 15 (tách

thửa 903, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN) và thửa số 81, tờ bản đồ số 15 (tách thửa 903 loại đất CLN + thửa 902, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT), tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Võ Thị Lê m ngày 20/01/2017 là ngày mở thừa kế theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 và vụ án trong thời hiệu khởi kiện thừa kế quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Quá trình giải quyết, ông P và bà M cho rằng trước khi mất bà Võ Thị L có di ngôn về việc phân chia hai phần đất của bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B, bà H không thừa nhận nội dung này. Ông P và bà M cung cấp giấy xác nhận của bà Bùi Thị Hồng V, Nguyễn Thị B1. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2024 (BL 231) của Tòa án đối với bà V có nội dung bà V là bạn của bà Trần Thị M, năm 2016 có đến thăm bà L, lúc này có ông Ngô Văn B, Ngô Thị H, ông Năm S (đã chết) và có nghe bà Lê n việc phân chia đất cho ông P, bà M, bà H, cháu nội Phương A1 nhưng ***diện tích cụ thể thế nào thì không biết***. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông P, bà M là ông Trần Thanh N xác định bà V là vợ của ông N. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2024 (BL 232) của Tòa án với bà Nguyễn Thị B1 thể hiện: Giấy xác nhận của bà do chữ xấu nên có nhờ bà Trần Thị M viết thay, ***có đọc lại rồi ký tên luôn chứ không có đi photo rồi mới ký tên***, sau khi ký tên xong, bà M đi photo sau đó tôi qua UBND xã để xác nhận chữ ký, lý do viết tờ tường thuật là do bà Trần Thị M nhờ viết lại những gì nghe bà L tâm sự, còn việc bà L có làm di chúc gì không thì bà không biết. Nội dung bà B1 trình bày về việc ký tên ngay sau khi bà M viết thay, không có việc photo ra rồi mới ký thì không phù hợp với tờ tường thuật do phía ông P và M nộp cho Tòa án lại là tờ giấy viết tay photo với chữ ký sống của bà B1. Ông B, bà H không thừa nhận việc có họp mặt gia đình để bà L phân chia đất. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông P xác định chỉ nghe bà L nói miệng, bà L không có làm di chúc bằng văn bản. Lời tường thuật của bà V, bà B1 chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị chứng minh. Theo các tài liệu do ông P, bà M nộp thể thời điểm bà L có di chúc miệng là vào năm 2012 và 2016. Theo quy định tại khoản 2 Điều 629 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: ***“Sau 03 tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người lập di chúc còn sống, mình vẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ”*** và khoản 5 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: ***“Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng.”***

Từ những căn cứ nêu trên, không đủ cơ sở xác định bà L có di chúc bằng miệng nên đối với di sản của bà L để lại Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 649; 650 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại Điều 613; 651 Bộ luật dân sự năm 2015 sau khi bà Lê c bao gồm: Ông Ngô Văn B, ông Ngô Quang P, bà Ngô Thị H.

[3.4] Xét Giấy xác nhận tặng cho đất của ông B ngày 29/12/2020 có nội dung đề nghị UBND xã T xác nhận nhưng không có xác nhận của UBND xã T; nội dung của Giấy xác nhận thể hiện không phải là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai; không được đăng ký, không có công chứng chứng thực theo quy định, nội dung giấy xác nhận chỉ thể hiện diện tích, số thửa nhưng không xác định rõ vị trí, số tờ bản đồ và địa chỉ phần đất ở đâu; mặt sau của giấy xác nhận lại có nội dung viết tay Đơn xác nhận hàng thừa kế có tên ông Ngô Văn B nhưng không có chữ ký của ông B; ông B không thừa nhận nội dung tặng cho đất thể hiện trong giấy xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để không công nhận Giấy xác nhận ngày 29/12/2020 này.

[3.5] Đại diện theo ủy quyền của ông P và bà M có đơn có yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ ngày 13/5/2024 bằng biện pháp thẩm định, đo đạc phần diện tích đất 8.000m² tại thửa 73, tờ bản đồ 15 (tách thửa 903, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN) và một phần thửa số 81, tờ bản đồ số 15 để tách cho ông P, bà M. Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 210/TB-TA ngày 20/5/2024 và số 350/TB-TA ngày 14/8/2024 nhưng ông P và M không thực hiện việc nộp chi phí tố tụng theo quy định.

[3.6] Tòa án đã ban hành và tổng đạt cho bà Trần Thị M, ông Ngô Quang P (thông qua người đại diện theo ủy quyền) thông báo số 200/TB-TA và 201/TB-TA ngày 20/5/2024 về cung cấp chứng cứ: ***Bản chính tờ cho đất ngày 20/7/2011; ngày 25/6/2012; ngày 12/01/2012 của bà Võ Thị L; Bản chính giấy xác nhận tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/12/2020 của ông Ngô Văn B; Tài liệu chứng cứ thể hiện đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ nơi đang sinh sống của Ngô Phúc Phương A; Ngô Phúc Phương T2; Ngô Phúc Phương Q; trường hợp đang học tập sinh sống ở nước ngoài thì cần có xác nhận và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định; Làm đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập yêu cầu (theo nội dung tờ trình và văn bản trình bày ý kiến đã nộp cho Tòa án) đối với phần đất thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 15 và thửa 81, tờ bản đồ số 15, đất cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và nộp tạm ứng án phí theo quy định.*** Ông Ngô Quang P không cung cấp tài liệu chứng cứ và không làm đơn phản tố theo yêu cầu của Tòa án. Bà Trần Thị M có đơn yêu cầu độc lập nhưng không nộp tạm ứng án phí theo thông báo nộp tạm ứng án phí số 719/TB-TA ngày 14/8/2024. Người đại diện theo ủy quyền của ông P tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa xác định Ông P không có ý kiến và không yêu cầu gì nữa đối với các tờ cho đất ngày 20/7/2011; ngày 25/6/2012; ngày 12/01/2012 của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của ông P và không thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của bà M.

[3.7] Từ những căn cứ, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B về việc chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Võ Thị Lê . Cụ thể:

- Bà Ngô Thị H không có đơn yêu cầu độc lập và đồng ý giao phần được nhận cho ông Ngô Văn B, bà H và ông B tự thỏa thuận phần chia nên ghi nhận. Trường hợp có phát sinh tranh chấp chia tài sản thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo qui định.

- Ông Ngô Văn B được nhận phần đất và căn nhà và các công trình khác trên phần đất thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 10.153,7m², loại đất CNL và ONT (vị trí ký hiệu 81-1; 81-2; 81-3. 81-4; 81-5; 81-6; 81-7) tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Ông Ngô Quang P được nhận phần đất thuộc thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.617,9m², loại đất CLN (ký hiệu 73-4) tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Ông Ngô Văn B không có ý kiến yêu cầu gì về việc lệch ranh và chênh lệch diện tích đất. Tòa án đã ban hành và tổng đạt cho ông P và bà M thông báo số 100/TB-TA ngày 22/3/2024 về các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập, trong đó có Họa đồ hiện trạng quyền sử dụng đất ngày 06/3/2024, ông P và bà M không ai có ý kiến yêu cầu gì. Do các bên đương sự không tranh chấp cây trồng trên đất và không có ý kiến yêu cầu gì về việc lệch ranh và chênh lệch diện tích đất nên ghi nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí đo đạc là 22.019.550 (Hai mươi hai triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm năm mươi) đồng; Chi phí định giá là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng; chi phí hỗ trợ đo đạc và đo đạc không được là 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất là 276.000 (Hai trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng; tổng chi phí đã thực hiện là: 23.495.550 (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Ông Ngô Văn B tự nguyện chịu và đã thực hiện xong nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Văn B, ông Ngô Quang P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 609; 611; 612; 623; 624; 629; 630; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 166; 167; 188 Luật đất đai;

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 92; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 73, tờ bản đồ 15 và thửa số 81, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Võ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể mỗi phần từng người được nhận như sau:

- Ông Ngô Văn B được nhận phần đất và căn nhà, các công trình khác trên phần đất thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 10.153,5m², loại đất CLN và ONT (vị trí ký hiệu 81-1; 81-2; 81-3. 81-4; 81-5; 81-6; 81-7) tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có họa đồ kèm theo - Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Bà Ngô Thị H không có đơn yêu cầu độc lập và đồng ý giao phần được nhận cho ông Ngô Văn B, bà H và ông B tự thỏa thuận phần chia nên ghi nhận. Trường hợp có phát sinh tranh chấp chia tài sản thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo qui định.

- Ông Ngô Văn P1 được nhận phần đất thuộc thửa 73, tờ bản đồ 15 diện tích 6.617,9m², loại đất CLN (ký hiệu 73-4) tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có họa đồ kèm theo - Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

2. Các bên đương sự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích và vị trí mình được nhận.

3. Ghi nhận các bên đương sự không tranh chấp cây trồng trên đất và không có ý kiến yêu cầu gì về việc lệch ranh và chênh lệch diện tích đất.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn B tự nguyện chịu và đã thực hiện xong nên ghi nhận

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn B, ông Ngô Quang P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. Tiên Long;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền